

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CHIẾU SÁNG VÀ THIẾT BỊ ĐÔ THỊ
MST: 0100106024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15 /BC-CTCS

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

Năm 2025 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với đất nước và cộng đồng doanh nghiệp, là năm tăng tốc, bứt phá, về đích thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội 5 năm giai đoạn 2021–2025; là năm diễn ra nhiều sự kiện trọng đại của đất nước A80, A50; đồng thời là năm triển khai đồng bộ nhiều chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước như cuộc cách mạng “sắp xếp lại giang sơn”, tinh gọn tổ chức bộ máy, chuyển đổi mô hình chính quyền địa phương từ 3 cấp sang 2 cấp, tổ chức Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Đây cũng là năm bản lề nhằm chuẩn bị, củng cố các yếu tố nền tảng để đưa đất nước bước vào Kỷ nguyên mới – Kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc.

Trong bối cảnh đó, yêu cầu về tăng trưởng kinh tế được đặt ra ở mức cao, trong đó doanh nghiệp Nhà nước được xác định là lực lượng nòng cốt, giữ vai trò dẫn dắt và tạo động lực lan tỏa cho toàn nền kinh tế. Ngày 21/3/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 09/CT-TTg, yêu cầu các doanh nghiệp Nhà nước phải bảo đảm tốc độ tăng trưởng năm 2025 đạt trên 8%. Trên cơ sở chỉ đạo của Chính phủ, Thành phố đã giao chỉ tiêu tăng trưởng cho Công ty năm 2025 ở mức trên 8% so với năm 2024. Đây là mục tiêu cao, thể hiện sự kỳ vọng lớn của Chính phủ, Thành phố đối với doanh nghiệp nhà nước, đồng thời đặt Công ty trước áp lực phải đổi mới mạnh mẽ tư duy quản trị, phương thức tổ chức sản xuất để nâng cao hiệu quả hoạt động.

Tuy nhiên, nhìn từ góc độ kinh tế vĩ mô, năm 2025 cũng là năm hội tụ nhiều yếu tố thuận lợi, tạo “địa tăng trưởng” quan trọng cho Công ty. Trước hết, Chính phủ tiếp tục thực hiện chính sách tài khóa mở rộng, đẩy mạnh đầu tư công, tập trung vào phát triển kết cấu hạ tầng đô thị, giao thông, chỉnh trang và nâng cấp không gian đô thị theo hướng hiện đại, thông minh, xanh và bền vững. Hàng loạt dự án hạ tầng như đường cao tốc, sân bay, khu đô thị mới, cải tạo – nâng cấp hệ thống chiếu sáng công cộng tại các đô thị lớn và địa phương trên cả nước được triển khai đã làm gia tăng đáng kể nhu cầu đối với các sản phẩm, dịch vụ chiếu sáng đô thị.

Bên cạnh đó, chủ trương phát triển đô thị thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng các giải pháp chiếu sáng thông minh gắn với chuyển đổi số trong quản lý đô thị đang được các địa phương đẩy mạnh triển khai. Đây là xu hướng đồng thời cũng là thách thức rất lớn đối với Công ty trong việc định hướng phát triển sản phẩm chiếu sáng đô thị, năng lực sản xuất và triển khai thi công các dự án chiếu sáng thông minh trong những năm tiếp theo.

Song song với những cơ hội đó, Công ty cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức ngày càng rõ nét. Thị trường chiếu sáng đô thị đang chứng kiến sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp trong nước và quốc tế; thị phần bị chia sẻ mạnh, trong khi nhiều doanh nghiệp tư nhân có lợi thế về cơ chế linh hoạt, chi phí quản lý thấp và khả



năng ra quyết định nhanh, tạo sức ép lớn đối với chiến lược phát triển thị trường của Công ty.

Đặc biệt, từ nội tại, Công ty vẫn còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cần sớm khắc phục để đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, như: hệ thống quản trị doanh nghiệp chưa theo kịp yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập; năng suất lao động còn thấp so với tiềm năng; tỷ lệ lao động gián tiếp dù đã giảm qua các năm nhưng vẫn ở mức cao; tiến trình chuyển đổi số còn chậm; một bộ phận cán bộ, người lao động chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của vị trí việc làm trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng khốc liệt.

BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP 2025

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch | Giá trị thực hiện | Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*) |
|----|-----------------------------------|---------|----------|-------------------|---|
| 1 | Sản phẩm chủ yếu sản xuất | Tỷ đồng | | | |
| a) | Sản phẩm 1 | Tỷ đồng | | | |
| b) | Sản phẩm 2 | Tỷ đồng | | | |
| 2 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 320 | 367,9 | 404,3 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 16,85 | 28,84 | 30,4 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 13,541 | 23,16 | 24,34 |
| 5 | Thuê và các khoản đã nộp Nhà nước | Tỷ đồng | 26 | 38,05 | 44,34 |
| 6 | Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có) | Tỷ đồng | | | |
| 7 | Sản phẩm dịch vụ công ích | Tỷ đồng | 112 | 130,65 | 130,65 |
| 8 | Tổng số lao động | Người | 400 | 388 | |
| 9 | Tổng quỹ lương | Tỷ đồng | 72,9 | 83,7 | |
| a) | Quỹ lương quản lý | Tỷ đồng | 4,7 | 5,6 | |
| b) | Quỹ lương lao động | Tỷ đồng | 68,2 | 78,1 | |

Lưu ý: () Công ty mẹ là doanh nghiệp nhà nước cung cấp thông tin các chỉ tiêu hợp nhất của mô hình công ty mẹ - công ty con.*

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt.

BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP:

| TT | Tên dự án | Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng) | Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng) | Vốn vay (tỷ đồng) | Vốn khác (tỷ đồng) | Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng) | Thời gian thực hiện dự án (từ năm... đến năm...) |
|--------------|-----------|---------------------------|--------------------------|-------------------|--------------------|---|--|
| Dự án nhóm B | Không có | | | | | | |

2. Các khoản đầu tư tài chính:

| TT | Tên doanh nghiệp | Vốn | Tổng vốn | Doanh | Lợi | Cổ tức | Tỷ lệ lợi |
|----|------------------|-----|----------|-------|-----|--------|-----------|
|----|------------------|-----|----------|-------|-----|--------|-----------|

| | | điều lệ (tỷ đồng) | đầu tư của công ty (tỷ đồng) | thu (tỷ đồng) | nhuận sau thuế (tỷ đồng) | 2025 (tỷ đồng) | nhuận được chia trên vốn đầu tư (%) |
|---|---|-------------------------|------------------------------------|------------------|--------------------------------------|----------------------|---|
| 1 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Hapulico | 58,07 | 3,25 | 174,68 | 13,95 | 0,256 | 10% |

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ, tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này, tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này theo Bảng số 3.

BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CỔ PHẦN CHI PHỐI

| TT | Tên doanh nghiệp | Vốn điều lệ (tỷ đồng) | Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng) | Tổng tài sản (tỷ đồng) | Doanh thu (tỷ đồng) | Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng) | Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng) | LN nộp về cty mẹ 2025 (triệu đồng) | Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng) | Tổng nợ phải trả (tỷ đồng) |
|-----|---|-----------------------|--|------------------------|---------------------|--------------------------------|------------------------------|------------------------------------|---|----------------------------|
| 2 | <i>Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</i> | | | | | | | | | |
| 2.1 | Công ty CP vật tư công nghiệp | 7,2 | 4,99 | 30,45 | 61,77 | 0,45 | 0,35 | 135 | 3,94 | 22,65 |
| 2.2 | Công ty CP chiếu sáng Nam HAPULICO | 13,38 | 8,5 | 24,79 | 62,05 | 1,52 | 1,22 | | 0,38 | 12,35 |
| 2.3 | Công ty cổ phần chiếu sáng Bắc HAPULICO | 3,00 | 1,95 | 4,25 | 10,03 | 0,018 | 0,015 | | 0,167 | 0,156 |
| 2.4 | Công ty CP đầu tư xây dựng công trình điện chiếu sáng HAPULICO | 10 | 6,5 | 26,99 | 25,9 | 0,69 | 0,56 | 299 | 1,81 | 16,17 |

Nơi nhận:

- Sở Tài chính (để b/c);
- Chủ tịch HĐQT;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu VT, VPTH.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Quốc Nam